

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG 9, QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2026

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2026 tăng 0,62% so với tháng trước, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước điều chỉnh tăng theo giá nhiên liệu thế giới và một số trường đại học, trường dân lập, tư thục điều chỉnh tăng học phí năm học mới. So với tháng 12/2025, CPI tháng Chín tăng 4,2%; tăng 5,08% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân quý III/2026 tăng 4,8% so với quý III/2025. Bình quân 9 tháng năm 2026, CPI tăng 4,52% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,26%.

I. TỔNG QUAN

Trong 9 tháng năm 2026, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều bất ổn trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị gia tăng, triển vọng tăng trưởng toàn cầu còn nhiều yếu tố bất định và áp lực lạm phát có xu hướng tăng trở lại. Xung đột tại khu vực Trung Đông làm gia tăng rủi ro đối với an ninh hàng hải, nguồn cung năng lượng và các tuyến vận tải, thương mại quan trọng như Biển Đỏ và eo biển Hormuz. Sau khi hạ nhiệt tại một số thời điểm, giá dầu tăng trở lại từ đầu tháng 9/2026 do xung đột Mỹ - Iran và các cuộc tấn công nhằm vào cơ sở hạ tầng, tuyến vận chuyển dầu tại khu vực Trung Đông. Bên cạnh đó, xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại, tăng cường kiểm soát xuất nhập khẩu và tích trữ hàng hóa chiến lược tại một số nền kinh tế lớn, cùng với chi phí bảo hiểm và logistics tăng, làm gia tăng nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Những yếu tố này tạo áp lực lên giá năng lượng, nguyên nhiên vật liệu và một số mặt hàng thiết yếu trên thị trường thế giới.

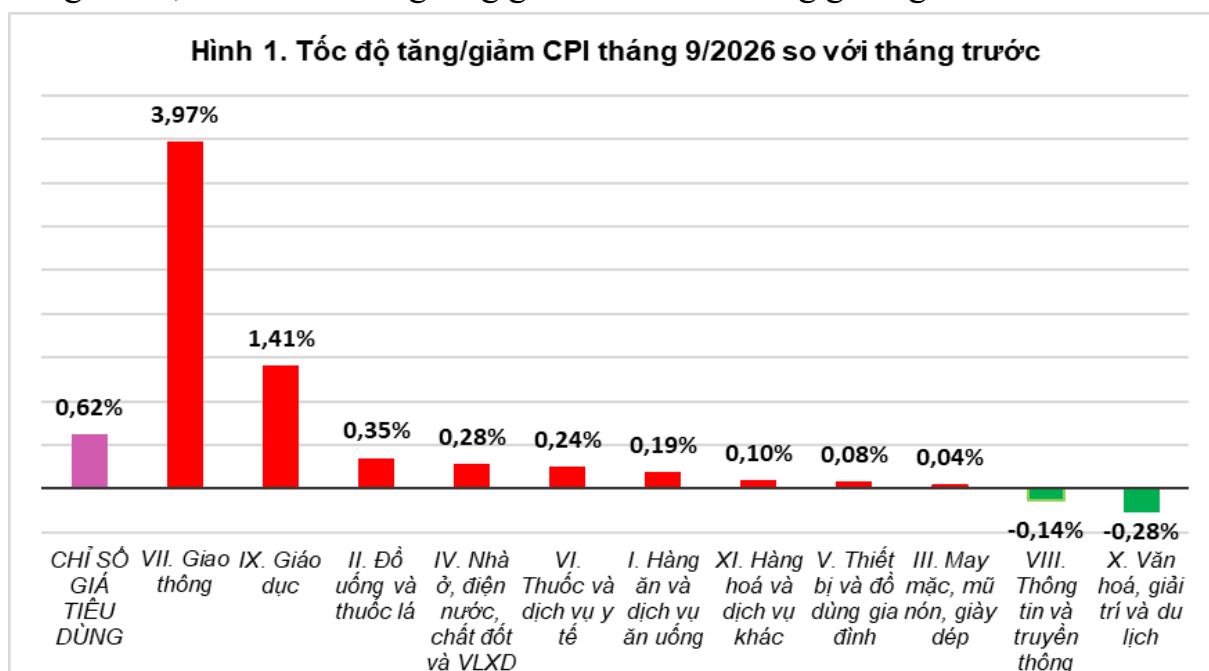
Trong bối cảnh áp lực lạm phát có xu hướng tăng trở lại do giá năng lượng, chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn được điều hành theo hướng thận trọng hơn. Ngày 16/9/2026, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) tăng lãi suất quỹ liên bang thêm 0,25 điểm phần trăm, lên 3,75%-4%, do lạm phát vẫn ở mức cao và rủi ro địa chính trị gia tăng. Ngày 10/9/2026, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tăng 0,25 điểm phần trăm cả ba mức lãi suất chủ chốt, theo đó từ ngày 16/9/2026, lãi suất tiền gửi lên 2,5%; lãi suất tái cấp vốn lên 2,65% và lãi suất cho vay cận biên lên 2,9%. Trong khi đó, tại cuộc họp ngày 16/9/2026, Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 3,75%.

Trong tháng 8/2026, lạm phát của Mỹ tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước; khu vực đồng Euro tăng 3,3%, trong đó Tây Ban Nha tăng 4,3%; I-ta-li-a tăng 3,3%; Đức tăng 2,9%; Pháp tăng 2,4%. Tại châu Á, lạm phát tháng 8/2026 của Phi-lip-pin tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước; Hàn Quốc tăng 3,1%; Trung Quốc tăng 0,8%; Thái Lan tăng 2,5%. Tại Việt Nam, CPI tháng 9/2026 tăng 5,08% so với cùng kỳ năm trước.

Trong nước, trước những biến động của kinh tế thế giới và áp lực lạm phát gia tăng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Công tác điều hành được thực hiện linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa và tiền tệ; đồng thời đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, nhất là khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đặc biệt, công tác điều hành thị trường xăng dầu được thực hiện chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến giá thế giới và cung - cầu trong nước, góp phần hạn chế tác động của giá năng lượng đến thị trường trong nước. Cùng với đó, các địa phương tích cực triển khai những giải pháp hỗ trợ sản xuất, ổn định thị trường. Nhờ đó, nguồn cung hàng hóa cơ bản được bảo đảm, thị trường vận hành ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Tuy nhiên, áp lực từ chi phí đầu vào, biến động giá năng lượng và rủi ro lạm phát vẫn hiện hữu, đặt ra thách thức cho công tác điều hành trong thời gian tới. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng năm 2026 tăng 4,52% so với cùng kỳ năm 2025.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 9/2026

So với tháng trước, CPI tháng 9/2026 tăng 0,62% (khu vực thành thị tăng 0,63%; khu vực nông thôn tăng 0,61%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 9 nhóm hàng tăng giá và 02 nhóm hàng giảm giá.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 9/2026 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,19%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 9/2026 tăng 0,19% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 0,27%, tác động tăng 0,06 điểm phần trăm; nhóm lương thực tăng 0,11%, tác động tăng 0,01 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,03%, hầu như không tác động tới CPI chung.

1.1. Lương thực (+0,11%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 9/2026 tăng 0,11% so với tháng trước, chủ yếu do giá nhóm lương thực chế biến, bột mì và ngũ cốc khác tăng. Cụ thể: giá khoai tăng 2,38%; ngô tăng 0,97%; ngũ cốc ăn liền tăng 0,71%; mì sợi, mì, phở/cháo ăn liền tăng 0,57%; bánh mì tăng 0,32%; ngũ cốc khác tăng 0,24%; miến tăng 0,22%.

Ở chiều ngược lại, giá gạo giảm 0,06%, trong đó giá gạo tẻ thường giảm 0,04%; gạo tẻ ngon giảm 0,1%; gạo nếp giảm 0,2%; gạo lứt tẻ giảm 0,02%. Giá gạo trong nước giảm theo xu hướng của giá gạo xuất khẩu trong bối cảnh nguồn cung gạo thế giới dồi dào và cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu gia tăng. Bên cạnh đó, nguồn cung trong nước từ vụ hè thu và thu đông tương đối ổn định, trong khi hoạt động thu mua của các doanh nghiệp xuất khẩu còn thận trọng khiến giá lúa gạo tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long giảm.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.600-16.800 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.200-21.900 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 21.900-23.600 đồng/kg; giá gạo nếp từ 26.500-38.400 đồng/kg.

1.2. Thực phẩm (+0,27%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 9/2026 tăng 0,27% so với tháng trước, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau:

- Giá nhóm rau tươi, khô và chế biến tăng 2,98% so với tháng trước do mưa lớn kéo dài làm giảm sản lượng thu hoạch và gia tăng chi phí vận chuyển. Bên cạnh đó, các nhà máy đẩy mạnh thu mua nguyên liệu cho xuất khẩu chế biến cuối năm khiến giá nhóm rau tăng. Giá một số mặt hàng rau trái vụ tăng đáng kể như su hào tăng 5,14%; đỗ quả tươi tăng 5%; bắp cải tăng 4,17%; khoai tây tăng 1,84%.

- Giá quả tươi, chế biến tăng 0,95% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng trong dịp lễ hội, Tết Trung thu và nhu cầu thu mua nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu tăng. Bên cạnh đó, nguồn cung một số loại quả giảm vào cuối vụ tạo áp lực tăng giá. Trong đó, giá xoài tăng 4,13%; chuối tăng 0,82%; táo tăng 0,48%; quả chế biến tăng 1,13%.

- Giá trứng các loại tăng 0,28%, chủ yếu do nhu cầu sản xuất bánh Trung thu và nhu cầu tiêu dùng tại các bếp ăn trường học tăng khi bước vào năm học mới, trong khi chi phí thức ăn chăn nuôi tăng.

- Giá thủy sản tươi sống tháng 9/2026 tăng 0,16% do thời tiết bão lũ ảnh hưởng đến hoạt động khai thác làm nguồn cung hạn chế, trong khi chi phí đầu vào như thức ăn và vận tải ở mức cao. Trong đó, giá nhóm thủy sản tươi sống khác tăng 0,61%; cá tươi hoặc ướp lạnh tăng 0,19%. Theo đó, giá nhóm thủy sản chế biến tăng 0,13%.

- Giá thịt gia cầm tăng nhẹ 0,03% do nhu cầu tiêu dùng tại các bếp ăn bán trú và các quán ăn bình dân tăng trở lại khi vào năm học mới.

- Giá đồ gia vị tăng 0,53%; sữa, bơ, phô mai tăng 0,51%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,43%; nước mắm, nước chấm tăng 0,25%; các loại đậu và hạt tăng 0,24%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,23%; đường, mật tăng 0,18%.

Ở chiều ngược lại, giá thịt lợn tháng 9/2026 giảm 0,96% do nguồn cung trên thị trường dồi dào trong khi sức mua chưa tăng mạnh. Tính đến ngày 26/9/2026, giá lợn hơi bình quân cả nước dao động trong khoảng 57.000-60.000 đồng/kg. Theo đó, giá mỡ động vật giảm 0,29%; nội tạng động vật giảm 0,36%; giá thịt gia súc đông lạnh giảm 0,04%; thịt quay, giò, chả giảm 0,04%.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,03%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 9/2026 tăng nhẹ 0,03% so với tháng trước, chủ yếu do giá uống ngoài gia đình tăng 0,34%. Ở chiều ngược lại, giá đồ ăn nhanh mang đi giảm 0,03%; ăn ngoài gia đình giảm 0,01%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,35%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 9/2026 tăng 0,35% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng cùng với chi phí nguyên liệu sản xuất đầu vào tăng. Trong đó, giá nước quả ép tăng 0,85%; nước khoáng tăng 0,48%; thuốc hút tăng 0,43%; rượu các loại tăng 0,3%; bia các loại tăng 0,28%; nước giải khát có ga tăng 0,26%.

3. May mặc, mũ nón và giày dép (+0,04%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tháng Chín tăng 0,04% so với tháng trước do nhu cầu mua sắm khi bước vào năm học mới tăng. Trong đó, giá mũ nón tăng 0,46%; vải các loại tăng 0,28%; quần áo may sẵn tăng 0,03%; dịch vụ may mặc tăng 0,94%; dịch vụ giày dép tăng 0,64%. Riêng giá giày dép giảm 0,07% do một số cửa hàng giảm giá kích cầu tiêu dùng.

4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,28%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 9/2026 tăng 0,28% so với tháng trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Giá thuê nhà tăng 0,1% do nhu cầu thuê nhà tăng tại một số địa phương trong thời điểm vào năm học mới, khi sinh viên và học sinh quay trở lại các thành phố lớn để học tập.

- Giá dầu hỏa tăng 2,19% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

- Giá gas tháng 9/2026 tăng 1,35%, nguyên nhân là từ ngày 01/9/2026, giá gas trong nước điều chỉnh tăng theo giá gas thế giới khi căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông làm gia tăng lo ngại về nguồn cung và chi phí vận chuyển, bảo hiểm.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,07% chủ yếu do nhu cầu sửa chữa nhà cửa của người dân tăng.

Ở chiều ngược lại, giá điện sinh hoạt giảm 0,13%¹ do nhu cầu sử dụng của các hộ gia đình giảm khi thời tiết mưa bão và áp thấp nhiệt đới.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,08%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 9/2026 tăng 0,08% so với tháng trước, chủ yếu do chi phí nguyên nhiên vật liệu và nhân công tăng. Trong đó, giá đồ dùng bằng kim loại tăng 0,62% so với tháng trước; hàng thủy tinh, sành sứ tăng 0,43%; đồ nhựa, cao su tăng 0,32%; giường, tủ, bàn, ghế tăng 0,19% khi nhu cầu tiêu dùng tăng vào mùa cưới hỏi; vật phẩm tiêu dùng khác tăng 0,21%; xà phòng, chất tẩy rửa tăng 0,13%; dịch vụ trong gia đình tăng 0,35%; dịch vụ sửa chữa thiết bị gia đình tăng 0,31%.

Ở chiều ngược lại, giá âm, phích nước điện giảm 1,65% so với tháng trước; bàn là điện giảm 1,03%; gương treo tường giảm 0,9%; máy điều hòa nhiệt độ giảm 0,64%; quạt điện giảm 0,59%; tủ lạnh giảm 0,38%; máy giặt giảm 0,09%; trang thiết bị nhà bếp giảm 0,52%; hàng dệt trong nhà giảm 0,1% do một số cửa hàng điện máy giảm giá cuối mùa để kích cầu tiêu dùng.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,24%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 9/2026 tăng 0,24% so với tháng trước, chủ yếu do giá một số loại thuốc và dịch vụ khám chữa bệnh tăng. Trong đó, nhóm thuốc chống dị ứng và các trường hợp quá mẫn tăng 0,27% so với tháng trước; nhóm thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,17%; nhóm vitamin và khoáng chất tăng 0,13%; nhóm thuốc tim mạch và nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt chống viêm không steroid và thuốc điều trị gút và các bệnh xương cùng tăng 0,11%; nhóm thuốc hoóc môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết và nhóm thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng cùng tăng 0,09%. Dịch vụ khám chữa bệnh nội trú tăng 0,48% do một số bệnh viện điều chỉnh mức giá khám chữa bệnh; dịch vụ chăm sóc và phòng ngừa tăng 0,3%; dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú tăng 0,13%; dịch vụ chẩn đoán và chuyên chở bệnh nhân khẩn cấp tăng 0,14%.

7. Giao thông (+3,97%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 9/2026 tăng 3,97% so với tháng trước, tác động làm tăng CPI chung 0,4 điểm phần trăm. Một số nhóm hàng có chỉ số giá tăng so với tháng trước:

- Chỉ số giá xăng tăng 9,39%; chỉ số giá dầu diesel tăng 4,53% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước.

¹ Chỉ số giá điện sinh hoạt tháng 9/2026 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 8/2026.

- Giá nhóm phụ tùng tăng 0,42% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng, trong đó lốp, săm xe đạp tăng 0,49%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,47%; lốp, săm xe máy tăng 0,43%; phụ tùng ô tô tăng 0,29%.

- Giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,54% do chi phí nhân công tăng, trong đó giá sửa chữa xe máy tăng 0,55%; giá sửa chữa xe đạp tăng 0,23%.

- Giá học bằng lái xe tăng 1,24% do một số cơ sở đào tạo điều chỉnh mức học phí; dịch vụ trông giữ xe tăng 0,17%; dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 0,1%.

Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng có chỉ số giá giảm so với tháng trước:

- Giá vận tải hành khách bằng đường hàng không giảm 9,95% do thị trường bước vào mùa thấp điểm du lịch và các hãng hàng không triển khai chương trình giảm giá vé trên một số chặng bay. Dịch vụ vận tải hành khách bằng đường bộ giảm 0,53%.

- Giá xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,92%; xe ô tô mới giảm 0,17% do doanh nghiệp áp dụng chương trình ưu đãi, hỗ trợ người tiêu dùng mua sắm.

8. Thông tin và truyền thông (-0,14%)

Nhóm thông tin và truyền thông tháng 9/2026 giảm 0,14% so với tháng trước. Trong đó, giá phụ kiện máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 1,33%; giá máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,85%; ti vi màu giảm 0,4%; thiết bị âm thanh giảm 0,24%; máy điện thoại cố định giảm 0,23%.

Ở chiều ngược lại, giá máy in, máy chiếu, máy quét tăng 0,61%; máy vi tính và phụ kiện tăng 0,38%.

9. Giáo dục (+1,41%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng Chín tăng 1,41% so với tháng trước, tác động làm tăng CPI chung 0,08 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ giáo dục tăng 1,6% do một số trường đại học, trung học dân lập và mầm non tư thục tại một số địa phương điều chỉnh tăng học phí năm học 2026-2027. Bên cạnh đó, giá bút viết các loại tăng 0,62%; văn phòng phẩm, đồ dùng học tập khác tăng 0,59%; sản phẩm từ giấy tăng 0,55%.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (-0,28%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 9/2026 giảm 0,28% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở các nhóm: Du lịch trong nước giảm 0,77%; du lịch ngoài nước giảm 0,53% do các công ty du lịch triển khai chương trình khuyến mại giảm giá để kích cầu tiêu dùng; khách sạn, nhà khách giảm 0,38%; xem phim, ca nhạc giảm 0,08%; thiết bị thể dục thể thao giảm 0,12%.

Ở chiều ngược lại, giá đồ chơi tăng 0,41%; hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng 0,36%; báo các loại và dụng cụ thể dục, thể thao cùng tăng 0,34%; chụp, in tráng ảnh tăng 0,33%; vé thuê chỗ chơi thể thao tăng 0,25%.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,1%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 9/2026 tăng 0,1% so với tháng trước, chủ yếu ở một số mặt hàng như: Giá trang sức tăng 1,48% theo giá vàng trong nước; dịch vụ chăm sóc người già tăng 0,69%; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 0,62%; túi xách, va ly, ví tăng 0,55%; dịch vụ về hiếu, hỷ tăng 0,25%.

Ngược lại, giá máy dùng điện cho chăm sóc cá nhân giảm 0,67%; dụng cụ cá nhân không dùng điện giảm 0,21%; hàng chăm sóc cơ thể giảm 0,14%.

12. Chỉ số giá vàng (+2,38%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 25/9/2026, bình quân giá vàng thế giới ở mức 4.434,45 USD/ounce, tăng 1,31% so với tháng trước, chủ yếu do đồng USD suy yếu, lợi suất trái phiếu Mỹ giảm và dòng vốn đầu tư vào các quỹ vàng tăng. Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị làm gia tăng nhu cầu trú ẩn an toàn. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 9/2026 tăng 2,38% so với tháng trước; tăng 12,42% so với cùng kỳ năm 2025; giảm 4,04% so với tháng 12/2025; bình quân 9 tháng năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 42,67% so với cùng kỳ năm trước.

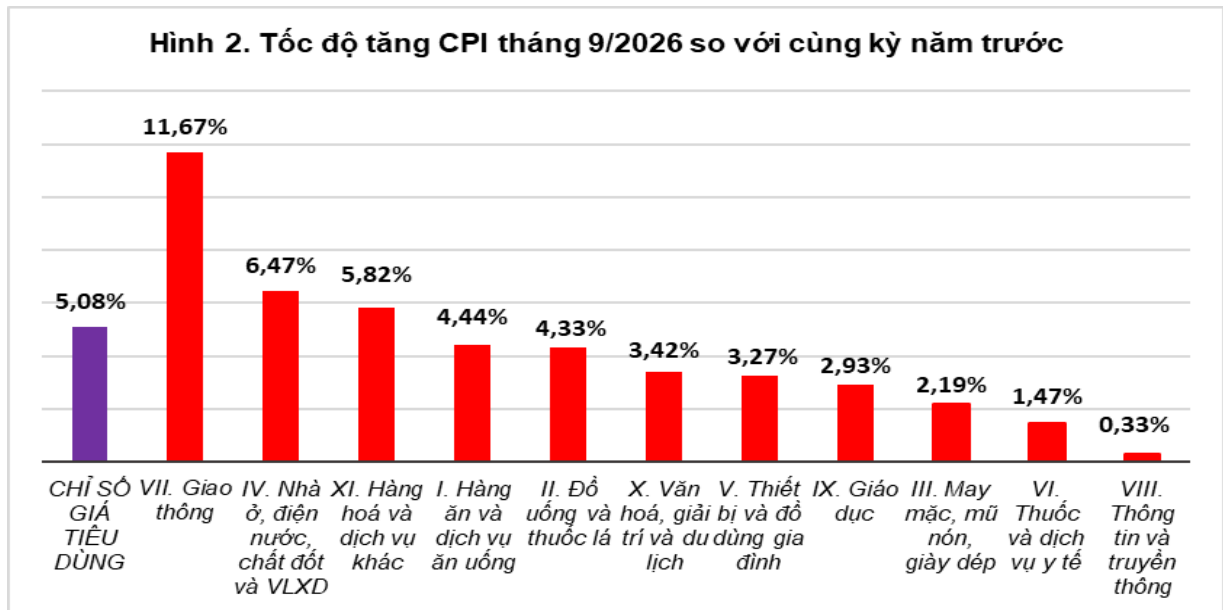
13. Chỉ số giá đô la Mỹ (-0,69%)

Giá đô la Mỹ trong nước biến động cùng chiều với giá thế giới. Tính đến ngày 25/9/2026, chỉ số USD bình quân trên thị trường quốc tế tháng 9/2026 đạt mức 99,5 điểm, giảm 0,16 điểm so với tháng 8/2026, trong bối cảnh kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Mỹ thay đổi và lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ giảm. Trong nước, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9/2026 giảm 0,69% so với tháng trước; giảm 1,34% so với cùng kỳ năm 2025; giảm 1,07% so với tháng 12/2025; bình quân 9 tháng năm 2026, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,01% so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 9 từ năm 2022 đến năm 2026

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
CPI tháng 9 so với tháng trước	0,40	1,08	0,29	0,42	0,62
CPI tháng 9 so với cùng kỳ năm trước	3,94	3,66	2,63	3,38	5,08
CPI tháng 9 so với tháng 12 năm trước	4,01	3,12	2,18	2,61	4,20
CPI bình quân 9 tháng so với cùng kỳ năm trước	2,73	3,16	3,88	3,27	4,52

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 9/2026 tăng 5,08%. Cả 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính đều tăng giá.



Cụ thể như sau:

- Nhóm giao thông tăng cao nhất với 11,67%, tác động làm CPI chung tăng 1,16 điểm phần trăm. Trong đó, giá nhiên liệu tăng 23,96% do giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới. Giá phụ tùng tăng 5,04%; bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 7,7%; dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 6,18% chủ yếu do chi phí nhân công tăng.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,47%, tác động làm CPI chung tăng 1,47 điểm phần trăm, chủ yếu do giá thuê nhà, vật liệu bảo dưỡng nhà ở và dịch vụ sửa chữa đều tăng. Cụ thể, giá nhà ở thuê tăng 4,88%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 10,49%; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 9,64% do nhu cầu thuê nhà và chi phí nhân công, vật tư sửa chữa tăng. Bên cạnh đó, giá dầu hỏa tăng 42,31%; giá gas và các loại chất đốt khác tăng 35,02% do các đợt điều chỉnh tăng theo diễn biến giá thế giới; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 13,51%; dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 4,98%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,44% tác động làm CPI chung tăng 1,59 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm lương thực tăng 0,81%; thực phẩm tăng 3,89%; ăn uống ngoài gia đình tăng 7,4% do chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào và dịch vụ quản lý tăng.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 4,33%, tác động làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 3,42% chủ yếu do các nhóm dịch vụ văn hóa tăng 6,26%; du lịch trọn gói tăng 5,82% do nhu cầu tăng vào dịp nghỉ hè; khách sạn, nhà khách tăng 3,97%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,27%, tác động làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm.

- Nhóm giáo dục tăng 2,93%, tác động làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp điều chỉnh học phí. Trong khi đó, chính sách miễn, giảm và hỗ trợ học phí tại các cơ sở công lập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ đã góp phần hạn chế mức tăng chung của nhóm giáo dục.

- Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 2,19%, chủ yếu do dịch vụ may mặc tăng 7,88%; dịch vụ giày dép tăng 6,45%; vải các loại tăng 3,87%; mũ, nón tăng 3,43%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,47%, làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm, chủ yếu do chi phí nhập khẩu nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất và phân phối tăng làm giá thuốc và thiết bị y tế tăng.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,33% do chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông và nhân công sửa chữa thiết bị điện thoại tăng.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,82% tác động làm CPI chung tăng 0,21 điểm phần trăm, chủ yếu do nhóm hàng hóa và dịch vụ cho cá nhân tăng 6,34%; vật dụng, dịch vụ về hiếu hỉ tăng 4,92%.

So với tháng 12/2025, CPI tháng Chín tăng 4,2% khi cả 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đều tăng giá, phản ánh mặt bằng giá tiêu dùng tiếp tục xu hướng tăng. Cụ thể:

- Nhóm giao thông tăng 12,61% chủ yếu do giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh tăng từ tháng 3/2026.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,5% do giá nhà ở thuê tăng 4,01%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 8,13%; gas và các loại chất đốt khác tăng 35,82%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 4,03% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao vào dịp Tết Nguyên đán, đồng thời biến động tỷ giá làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu và sản xuất.

- Nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 3,46% do nhu cầu vui chơi, giải trí và du lịch tăng trong các dịp Lễ, Tết và mùa du lịch hè.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,73%, trong đó dịch vụ trong gia đình tăng 6,52%; đồ dùng trong nhà tăng 3,05%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,09% do giá ăn uống ngoài gia đình tăng 6,12%; thực phẩm tăng 0,84%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,68%, trong đó dịch vụ may mặc tăng 6,48%; dịch vụ giày dép tăng 5,92%; vải các loại tăng 3,28%; giày dép tăng 1,91%; quần áo may sẵn tăng 1,37%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,34%, trong đó dụng cụ y tế tăng 1,97%; thuốc các loại tăng 1,93%; dịch vụ y tế tăng 1,05%.

- Nhóm giáo dục tăng 2,35% do một số trường dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục học nghề, dạy thêm đã điều chỉnh học phí.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,34%, chủ yếu do chi phí một số dịch vụ viễn thông và sửa chữa điện thoại điều chỉnh tăng.

- Nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 4,86% do giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng; các dịch vụ cưới hỏi; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng.

III. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG QUÝ III NĂM 2026

Chỉ số giá tiêu dùng quý III/2026 tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2025. Tất cả các nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính đều tăng giá, cụ thể như sau:

- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống bình quân quý III/2026 tăng 4,58% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,64 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm lương thực tăng 0,74% và nhóm thực phẩm tăng 4%, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp nghỉ Quốc khánh 02/9 và Tết Trung thu; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 7,72% do nhu cầu tiêu dùng và chi phí nguyên liệu đầu vào, nhân công tăng.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,59% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,5 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 5,95%; chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 2,01% do nhu cầu sử dụng tăng trong những tháng cao điểm nắng nóng.

- Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 7,73%, tác động làm CPI chung tăng 0,77 điểm phần trăm, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh theo diễn biến giá nhiên liệu thế giới.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 3,44%, tác động làm CPI chung tăng 0,21 điểm phần trăm do một số cơ sở giáo dục điều chỉnh tăng học phí năm học mới.

- Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 3,55%, tác động làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,32%, tác động làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm, chủ yếu do chi phí nhập khẩu nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất và phân phối tăng làm giá một số thuốc và thiết bị y tế tăng.

- Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 4,18%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm do chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí vận chuyển và nhân công tăng. Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,24%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm. Chỉ số giá nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,4%, tác động làm CPI chung tăng 0,01 điểm phần trăm.

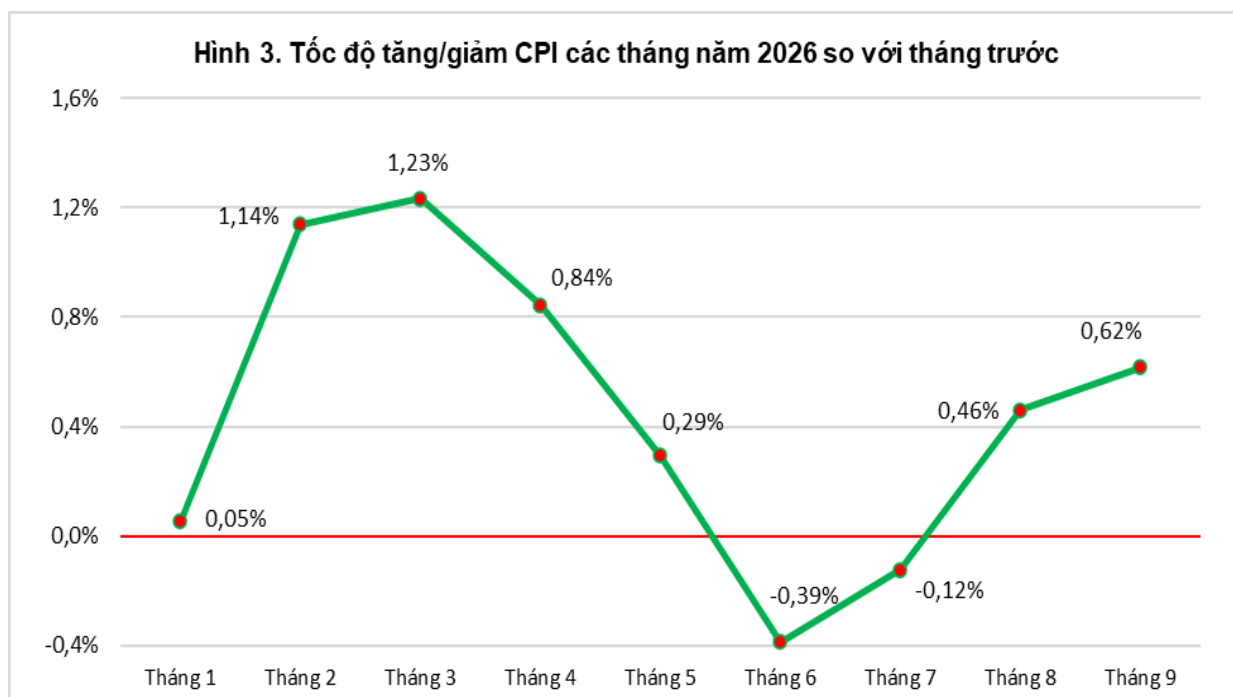
- Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,9%, tác động làm CPI chung tăng 0,21 điểm phần trăm, nguyên nhân chủ yếu do giá đồ trang sức tăng theo giá vàng và giá một số đồ dùng cá nhân tăng.

IV. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 9 THÁNG NĂM 2026

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng năm 2026 tăng 4,52% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, diễn biến CPI các tháng và các yếu tố tác động đến CPI 9 tháng năm 2026 được phân tích chi tiết trong các mục dưới đây.

1. Diễn biến giá tiêu dùng 9 tháng năm 2026

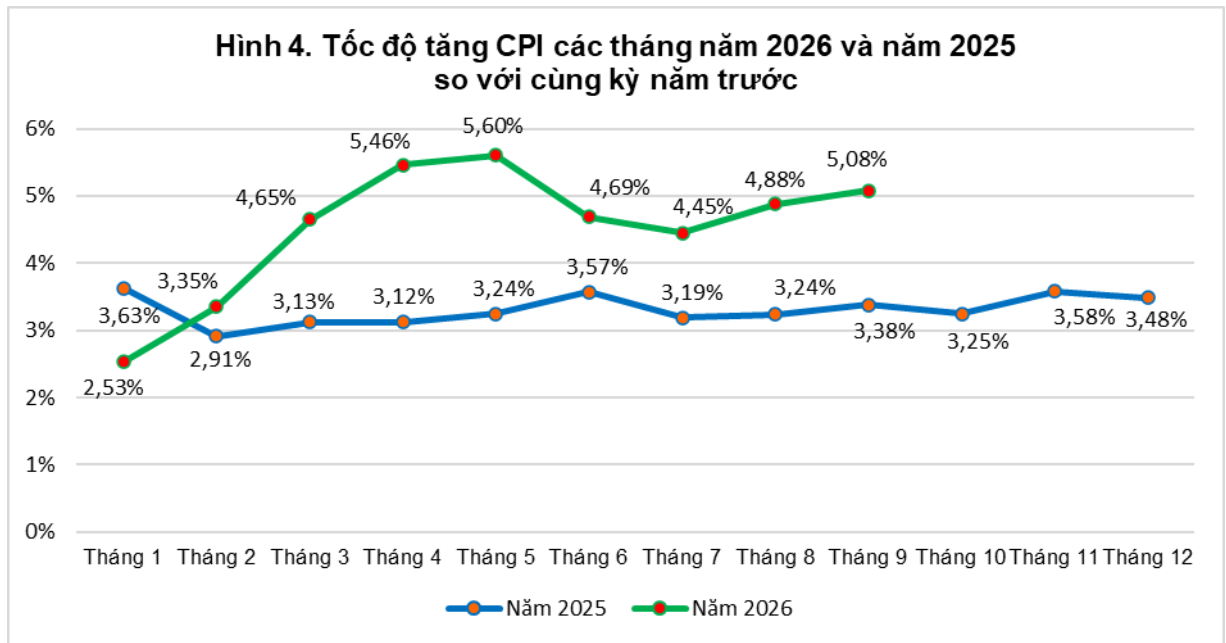
1.1. Diễn biến CPI 9 tháng năm 2026 so với tháng trước



So với tháng trước, CPI tăng liên tục trong 5 tháng đầu năm, giảm trong tháng Sáu và tháng Bảy, sau đó tăng trở lại trong tháng Tám và tiếp tục tăng trong tháng Chín. Diễn biến này chủ yếu chịu tác động của yếu tố mùa vụ, nhu cầu tiêu dùng trong các dịp Lễ, Tết, cùng với biến động giá nhiên liệu thế giới và chi phí nguyên liệu đầu vào.

Cụ thể, CPI tháng Một tăng 0,05% so với tháng trước chủ yếu do giá thịt lợn tăng. Tháng Hai, trùng dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ, nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ và đi lại của người dân tăng cao, làm cho giá thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình và dịch vụ giao thông tăng. Sang tháng Ba, mặc dù là tháng sau Tết nhưng CPI không giảm theo quy luật hằng năm mà tăng 1,23%, mức cao nhất trong 9 tháng, chủ yếu do giá xăng dầu tăng mạnh theo diễn biến thị trường thế giới. Tháng Tư, giá xăng dầu hạ nhiệt nhưng giá gas tăng mạnh khiến CPI tiếp tục tăng 0,84%. Tháng Năm, CPI tăng 0,29% do giá điện, nước sinh hoạt và vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng. Đến tháng Sáu, CPI giảm 0,39% chủ yếu do giá xăng dầu giảm mạnh. Tháng Bảy, CPI tiếp tục giảm nhưng mức giảm thấp hơn tháng trước, chủ yếu do giá xăng dầu và giá một số mặt hàng lương thực và thực phẩm giảm. Sang tháng Tám, CPI tăng trở lại khi giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh tăng theo giá thế giới. Tháng 9, CPI tiếp tục duy trì đà tăng, chủ yếu do giá xăng dầu tăng và một số cơ sở giáo dục điều chỉnh tăng học phí năm học mới. Tính chung 9 tháng năm 2026, bình quân mỗi tháng CPI tăng 0,46% so với tháng trước.

1.2. Diễn biến CPI 9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước



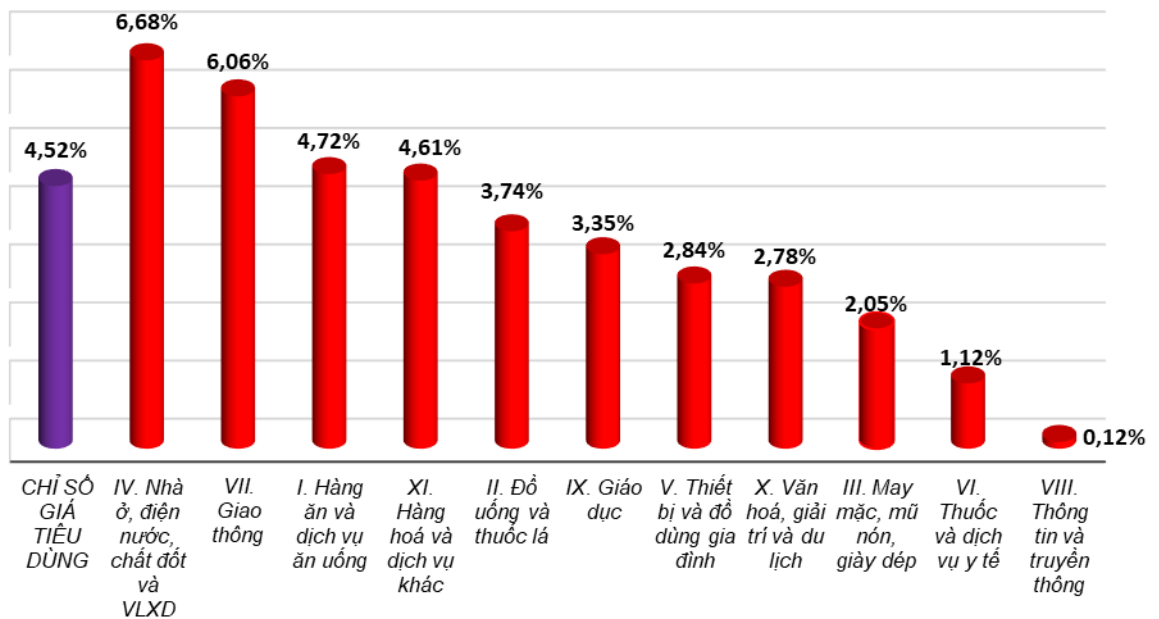
So với cùng kỳ năm trước, tốc độ tăng CPI trong 9 tháng năm 2026 có xu hướng tăng nhanh trong những tháng đầu năm, đạt mức cao nhất vào tháng Năm, sau đó giảm trong tháng Sáu và tháng Bảy trước khi tăng trở lại trong tháng Tám và tháng Chín.

Cụ thể, CPI tháng Một tăng 2,53% so với cùng kỳ năm trước; tháng Hai tăng 3,35%; tháng Ba tăng 4,65%; tháng Tư tăng 5,46% và tháng Năm tăng 5,6%, mức cao nhất trong 9 tháng. Sang tháng Sáu, CPI tăng 4,69% và tiếp tục xu hướng giảm dần vào tháng Bảy với 4,45%. Từ tháng Tám, tốc độ tăng CPI trở lại xu hướng đi lên, lần lượt tăng 4,88% trong tháng Tám và 5,08% trong tháng Chín.

Bình quân 9 tháng năm nay, CPI tăng 4,52% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 3,27% của 9 tháng năm 2025. Mức tăng này chủ yếu do giá xăng dầu, giá gas tăng cao theo diễn biến của thị trường thế giới; cùng với đó, giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng do giá vật liệu xây dựng, chi phí sửa chữa và nhu cầu sử dụng điện tăng; giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng do chi phí nguyên liệu đầu vào và nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng. Bên cạnh đó, giá dịch vụ giáo dục và dịch vụ y tế tăng cũng góp phần làm CPI chung tăng.

2. Các yếu tố tác động đến CPI 9 tháng năm 2026

Hình 5. Tốc độ tăng CPI 9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước



- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,68% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,52 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhà ở thuê tăng 4,91% do chi phí duy trì và vận hành tăng; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 13,07% do giá vật liệu xây dựng và nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà ở tăng; giá điện sinh hoạt tăng 4,35% do nhu cầu sử dụng điện tăng trong những tháng nắng nóng.

- Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 6,06%, tác động làm CPI chung tăng 0,6 điểm phần trăm, trong đó giá nhiên liệu tăng 10,89%².

- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,72%, tác động làm CPI chung tăng 1,69 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm thịt lợn tăng 4,46%, do nguồn cung hạn chế trong dịp Lễ, Tết và chi phí chăn nuôi ở mức cao; chỉ số giá thịt gia cầm tăng 3,93%; chỉ số giá ăn uống ngoài gia đình tăng 7,14% do chi phí nguyên liệu và dịch vụ tăng.

² So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá nhóm nhiên liệu tháng 01/2026, 02/2026 lần lượt giảm 9,62% và 8,38%, trong khi từ tháng 3/2026 đến tháng 9/2026 lần lượt tăng 21,6%; 21,47%; 25,12%; 8,97%; 5,89%; 15,8% và 23,96%.

- Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,74%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 3,35%, tác động làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục, dạy nghề đã điều chỉnh học phí trong năm học mới.

- Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,84%, tác động làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,78%, tác động làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,05%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,12%, tác động làm CPI chung tăng 0,05 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,12%, chủ yếu do giá dịch vụ viễn thông tăng 0,44%.

- Chỉ số nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,61%, tác động làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm.

V. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản³ tháng 9/2026 tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,26% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,52% của CPI bình quân chung. Nguyên nhân chủ yếu do giá xăng dầu, gas, lương thực, thực phẩm tươi sống, dịch vụ y tế biến động làm CPI chung tăng, trong khi các nhóm này được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Chín và 9 tháng từ năm 2022 đến năm 2026

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Lạm phát cơ bản tháng 9 so với tháng trước	0,47	0,26	0,27	0,20	0,11
Lạm phát cơ bản tháng 9 so với cùng kỳ năm trước	3,82	3,80	2,54	3,18	4,45
Lạm phát cơ bản 9 tháng so với cùng kỳ năm trước	1,88	4,49	2,69	3,19	4,26

CỤC THỐNG KÊ

³ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.